

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động năm
(từ 01/01/..... đến 31/12/.....)

Kính gửi: Bộ Tài chính.

1. Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

.....

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... (*tên cơ quan cấp*)... cấp ngày... tháng... năm...

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm số cấp lần đầu ngày tháng... năm (điều chỉnh lần thứ ngày tháng... năm...).

2. Doanh nghiệp gửi báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán đến Bộ Tài chính kèm theo báo cáo này.

3. Danh sách, tỷ lệ góp vốn tương ứng của từng cổ đông hoặc thành viên góp vốn sở hữu trên 5% vốn điều lệ thực góp của doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm.

Danh sách cổ đông hoặc thành viên góp vốn sở hữu trên 5% vốn điều lệ thực góp của doanh nghiệp	đơn vị	Vốn điều lệ thực góp	
		Năm nay	Năm trước
Tổng vốn điều lệ thực góp của doanh nghiệp			
1. Cổ đông hoặc thành viên góp vốn 1			
<i>% vốn điều lệ thực góp</i>			
2. Cổ đông hoặc thành viên góp vốn 2			
<i>% vốn điều lệ thực góp</i>			
3. Cổ đông hoặc thành viên góp vốn 3			
<i>% vốn điều lệ thực góp</i>			
.....			
n. Cổ đông hoặc thành viên góp vốn n			
<i>% vốn điều lệ thực góp</i>			

4. Phân bổ doanh thu, chi phí và lợi nhuận trước thuế theo lĩnh vực kinh doanh.

Phân bổ doanh thu, chi phí và lợi nhuận trước thuế theo lĩnh vực kinh doanh	đơn vị	Năm nay	Năm trước
<i>Tổng doanh thu</i>			
Trong đó:			
1. Doanh thu từ hoạt động xếp hạng tín nhiệm			
<i>% tổng doanh thu</i>			
2. Doanh thu từ dịch vụ liên quan đến xếp hạng tín nhiệm			
<i>% tổng doanh thu</i>			
3. Doanh thu từ các dịch vụ kinh doanh khác			
<i>% tổng doanh thu</i>			
<i>Tổng chi phí</i>			
Trong đó:			
1. Chi phí từ hoạt động xếp hạng tín nhiệm			
<i>% tổng chi phí</i>			
2. Doanh thu từ dịch vụ liên quan đến xếp hạng tín nhiệm			
<i>% tổng chi phí</i>			
3. Doanh thu từ các dịch vụ kinh doanh khác			
<i>% tổng chi phí</i>			
<i>Tổng lợi nhuận trước thuế</i>			
1. Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động xếp hạng tín nhiệm			
<i>% tổng lợi nhuận trước thuế</i>			
2. Lợi nhuận trước thuế từ dịch vụ liên quan đến xếp hạng tín nhiệm			

.....	%
.....	%

7. Tỷ lệ bình quân của việc chuyển từ bậc xếp hạng tín nhiệm này sang bậc xếp hạng tín nhiệm khác trong khoảng thời gian 1 năm, 3 năm, 5 năm, 7 năm, 10 năm và kể từ khi doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm bắt đầu hoạt động xếp hạng tín nhiệm.

Bậc xếp hạng xếp hạng tín nhiệm tại ngày/....../...	Số kết quả trong mỗi bậc xếp hạng	Tỷ lệ chuyển thành bậc xếp hạng tín nhiệm sau.... năm					
		Bậc 1	Bậc 2				Bậc n
Bậc 1		%	%	%	%	%	%
Bậc 2		%	%	%	%	%	%
.....		%	%	%	%	%	%
.....		%	%	%	%	%	%
.....		%	%	%	%	%	%
Bậc n		%	%	%	%	%	%

ạt động kiểm soát nội bộ về việc tuân thủ các quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan./.

....., ngày tháng năm
Người đại diện theo pháp luật
(Ký tên, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)